

điều kiện thuận tiện hòa tan các sỏi cholesterol.

Chỉ định : Sỏi mật ít, sỏi mật không phẫu thuật được (sỏi không cần tia X, có đường kính dưới 15mm, chức năng túi mật còn tốt).

Liều dùng : 7,5mg/kg/24giờ (2viên/lần, vào bữa ăn tối, hoặc cố thể chia 2 lần, sáng tối)

- Nếu bệnh nhân béo phì dùng liều 10mg/kg/24giờ. Đợt dùng 6 tháng, có khi tới 1 năm nếu sỏi to hơn.

Chống chỉ định : Phụ nữ có thai (hoặc nghỉ ngơi), bệnh thực thê ở gan, dạ dày-ruột.

Lưu ý : Khi mới dùng cần tiến hành kiểm tra nồng độ các transaminase và phosphatase kiềm. Tránh phối hợp với các thuốc có độc tính với gan, với colestyramin (làm giảm tính chất của thuốc). Từ tháng thứ 6 cần chụp X quang túi mật để kiểm tra tác dụng của thuốc

Người già : các tình trạng thoái hành (involution) suy nhược tâm thần, kiệt sức.

Liều dùng : Người lớn : ngày tiêm bắp 1-2 ống (có thể tới 3 ống). Hoặc uống 1-3 ống thuốc uống. Trẻ em : từ 13 tháng trở lên ngày uống 1-2 ống. Dưới 13 tháng : ngày hoặc cách 1 ngày uống 1 ống.

Lưu ý : a) Không có chống chỉ định, vì thuốc không độc.

b) Nếu bị động kinh hoặc co thắt cơ thì nên thận trọng (cần theo dõi bằng điện não đồ)

Uversin (Bungari)

Dạng thuốc : Gói thuốc cồn 10g chứa: Cao lá Uva ursi (tương ứng với 25mg arbutin) 500mg

Tác dụng : Sát khuẩn niệu đạo.

Chỉ định : Viêm đường tiết niệu như viêm bàng quang, viêm bệ thận - thận.

Liều dùng : Người lớn, ngày uống 3 lần, mỗi lần 1-2 gói.

Ù tai hư thận thang

Dạng thuốc : Thuốc sắc hoặc ngâm rượu. Sơn thù du, thạch xương bồ, địa hoàng, cam cúc hoa, hoàng bá, ngũ vị tử, các bì bắc nhau là 6g - Sắc uống hàng ngày hoặc ngâm rượu 1 thời gian rồi uống.

Chỉ định : Hư thận, ù tai.

Liều dùng : Uống 25 ngày, nghỉ 10 ngày, lại uống đợt khác. Uống 3-5 đợt.

UTP

Biệt dược : Uteplex (Anh- Pháp)

Dạng thuốc : Ống tiêm 1ml chứa 4mg UTP. Ống thuốc uống 2ml chứa 2mg UTP (dạng muối natri).

Tác dụng : Là một thành phần cấu tạo của acid ribonucleic ở những tổ chức sinh học, tham gia vào nhiều quá trình chuyên hóa ở mô xương và cơ trong cơ thể, phản ứng phosphoryl - hóa (là chất trao, phosphor) hiện tượng co cơ và nhất là chuyên hóa của galactose (tăng cường hệ cơ nâng đỡ cơ thể).

Chỉ định : Những rối loạn và suy yếu về cơ và thần kinh - cơ trong các trường hợp : Trẻ em : giảm trương lực, suy dinh dưỡng, biếng ăn, chậm biệt đi, di chứng của bệnh bại liệt- chứng loạn dưỡng cơ tiến triển.

Người lớn : teo cơ do tủy thương thần kinh (như liệt nửa người, viêm nhiều dây thần kinh, viêm tủy (myélites). Suy yếu về cơ do chấn thương hoặc thấp khớp, suy cơ tim.

Uvimag B6 (Pháp)

Dạng thuốc : Ống uống 10ml chứa

Mg glycerophosphat	50mg
Pyridoxin HCl	125mg

Chỉ định : Cơ thể suy nhược, mới ốm dậy sau bệnh nhiễm khuẩn, thiếu hụt Mg, các biểu hiện chức năng của trạng thái lo âu kèm tăng nhịp thở.

Liều dùng : Người lớn : ngày 3 lần x 1 ống, trước bữa ăn. Trẻ em : 1-2 ống/ngày tùy theo tuổi.

Chống chỉ định : Suy thận nặng, người đang cai rượu.

Uvit B (Pháp)

Dạng thuốc : Ống uống 10ml có :

Magnesium (glycerophosphat acid)	0,5g
Cobalt (acetat)	125mcg
Nicotinamid (vit. PP hay B3)	0,125g
Pyridoxin (vit. B6)	0,125g
Cyanocobalamin (vit. B12)	100mcg
Mistelle	3ml

Chỉ định : Suy nhược - Thiếu máu. Chán ăn. Dưỡng bệnh- Thiếu magne.

Liều dùng : Uống 1-3 ống/ngày.

Chống chỉ định : Suy thận nặng- Người nghiện rượu đang chữa trị.